

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHƯỚC LONG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2024/HS-ST
Ngày 10-7-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Phước

Bà Vũ Thị Lựu

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Vui – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước

- Đại D1 Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phúc Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2024 tại Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 41/2024/TLST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2024/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 6 năm 2024, đối với bị cáo:

Thượng Thị Mỹ P, sinh năm 1970 tại Bình Phước;
Nơi cư trú: Thôn L, xã P, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Nội trợ;
Trình độ văn hoá (học vấn) 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Thượng Văn Đ và bà Nguyễn Thị H; Có chồng là Nguyễn Văn T, sinh năm 1963 và con Nguyễn Phương D, sinh năm 1996; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06/10/2023 đến nay; Có mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng:

Ông Nguyễn Phùng D1, sinh năm 1986, trú tại: Khu phố 4, phường X, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước. (có mặt)

Ông Nguyễn Phương D, sinh năm 1996, trú tại: Khu phố 5, phường X, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước. (có mặt)

Bà Trần Thị O, sinh năm 1976, trú tại: Khu phố 2, phường B, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có quen biết nên trong năm 2021 và 2022, ông Nguyễn Phùng D1 đã cho bà Thượng Thị Mỹ P vay tiền nhiều lần, đến ngày 10/11/2022 hai bên thống nhất số tiền nợ gốc và lãi là 2.900.000.000 đồng, thời hạn trả tiền chia thành hai lần, lần đầu từ ngày

10/11/2022 đến ngày 20/01/2023 trả số tiền 1.400.000.000 đồng, lần hai từ ngày 20/01/2023 đến ngày 01/6/2023 trả số tiền còn lại 1.500.000.000 đồng.

Vào khoảng đầu tháng 01/2023 khi đang lướt mạng Facebook bà P thấy 01 bài viết quảng cáo dịch vụ làm giấy tờ giống thật 100% giá rẻ, bà P đã liên hệ qua messenger với một thanh niên không rõ nhân thân lai lịch để đặt làm giả 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX861639, số vào sổ cấp GCN 004851/CNTT do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 23/11/2020 mang tên Thượng Thị Mỹ P với giá 1.000.000 đồng. Sau khi nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, bà P cất trong cốp xe mô tô Honda Wave S biển kiểm soát 93P2-370.52.

Ngày 20/01/2023, bà P đến nhà ông D1 để xin khất nợ số tiền 1.400.000.000 đồng qua tết sẽ trả nhưng ông D1 không đồng ý vì hiện ông D1 cũng đang bị bà Trần Thị O yêu cầu trả số nợ 900.000.000 đồng. Lúc này bà P mới ra xe lấy 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả đã đặt trước đó đưa cho ông D1 để làm tin. Một lúc sau ông D1 gọi điện cho Nguyễn Phương D là con trai bà P đến nhà và cùng nhau đi đến nhà bà O để xin khất nợ cho ông D1. Qua nói chuyện và xem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX861639, số vào sổ cấp GCN 004851/CNTT, bà O đồng ý cho ông D1 khất nợ đến lúc bà P trả tiền, lúc này ông D1 nhận giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX861639, số vào sổ cấp GCN 004851/CNTT để làm tin. Đến ngày 07/8/2023, do nghi ngờ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX861639, số vào sổ cấp GCN 004851/CNTT là giả nên ông D1 đã trình báo với Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Phước Long. Quá trình điều tra, bà P đã khai nhận toàn bộ hành vi sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số CX861639, số vào sổ cấp GCN 004851/CNTT như trên.

Theo kết luận giám định số 853/KL-KTHS ngày 08/9/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước kết luận: Mẫu in “GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT” gửi giám định là mẫu in giả.

Vật chứng thu giữ trong quá trình điều tra: 01 điện thoại di động Iphone X đã qua sử dụng, 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số CX861639, số vào sổ cấp GCN 004851/CNTT.

Ngày 06/10/2023, Thượng Thị Mỹ P bị khởi tố bị can để điều tra.

Tại bản cáo trạng số 02/CT-VKSPL ngày 22/12/2023, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long đã truy tố Thượng Thị Mỹ P về “Tội sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo khoản 1 Điều 341 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát thực hiện quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo P về Tội sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức; bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào, có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 341; Điều 38; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, tuyên bị cáo P phạm Tội sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức và xử phạt bị cáo P từ 18 tháng tù đến 24 tháng tù.

Vật chứng: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động Iphone X, đây là phương tiện dùng đặt làm giả giấy chứng nhận.

Đối với nam thanh niên bị cáo P liên lạc làm giấy tờ giả do không rõ nhân thân, lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Phước Long đã tách ra xử lý sau.

Đối với quan hệ vay mượn là giao dịch dân sự, đề nghị ông D1 khởi kiện vụ án dân sự theo quy định pháp luật.

- Bị cáo P tự bào chữa: Thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét toàn bộ diễn biến sự việc cũng như hoàn cảnh, lý do bị cáo thực hiện hành vi phạm tội để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Người bào chữa trình bày lời bào chữa: Thống nhất với cáo trạng truy tố bị cáo tội sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, nội dung cáo trạng cho rằng do không có tiền trả nợ nên bị cáo nảy sinh ý định làm giả giấy chứng nhận là chưa đúng với diễn biến, tình tiết vụ án; việc chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông D1 là nghĩa vụ dân sự phát sinh từ giao dịch dân sự, không là tình tiết để xem xét khi quyết định hình phạt cho bị cáo như lập luận của Viện kiểm sát. Đồng thời, xét lý do phạm tội của bị cáo chủ yếu xuất phát từ hoàn cảnh gia đình chưa thu xếp được tiền để trả nợ, thời điểm cận tết, áp lực trả khoản tiền lớn, chồng bị cáo là nguyên trưởng công an huyện, sợ ông D1 đến nhà đòi nợ sẽ ảnh hưởng uy tín của chồng, nhân thân bị cáo tốt, không có tiền án, tiền sự nên mong Hội đồng xét xử xem xét áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

- Ý kiến tranh luận của đại diện Viện kiểm sát: Mục đích thực hiện hành vi là ý thức chủ quan của bị cáo và được đánh giá dựa trên diễn biến sự việc, hành vi thực tế bị cáo thực hiện (đến gần kỳ hạn trả nợ bị cáo đã đặt làm giấy chứng nhận giả, sau đó đến ngày trả nợ bị cáo đã dùng giấy chứng nhận giả đưa cho ông D1 để làm tin nhằm kéo dài thời hạn trả nợ), như vậy nội dung cáo trạng nêu do không có tiền trả nợ nên bị cáo nảy sinh ý định làm giả giấy chứng nhận là đúng, bác bỏ lời khai làm để xem có giống thật hay không của bị cáo; thực hiện nghĩa vụ trả nợ cũng được xem là sự thiện chí của bị cáo, nằm trong tình tiết giảm nhẹ “ăn năn hối cải” và hiện nay bị cáo vẫn chưa thực hiện được phần nào nghĩa vụ trả nợ nên áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo không phù hợp, khả năng thi hành án không đảm bảo.

- Bị cáo nói lời sau cùng: Hành vi phạm tội của bị cáo phát sinh từ sự thiếu hiểu biết nên mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Phước Long, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của người làm chứng, kết luận giám

định trong quá trình điều tra, cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 20/01/2023, bị cáo P đã có hành vi giao cho ông D1 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số CX861639, số vào sổ cấp GCN 004851/CNTT do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 23/11/2020 mang tên Thượng Thị Mỹ P nhằm mục đích để ông D1 đồng ý gia hạn thời hạn trả số tiền 1.400.000.000 đồng. Trong khi trước đó, bị cáo P đã xin gia hạn nhưng không được ông D1 đồng ý, như vậy hành vi dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để làm tin nhằm kéo dài thời hạn trả nợ của bị cáo là thực hiện hành vi trái pháp luật, xâm phạm quan hệ xã hội được Bộ luật dân sự điều chỉnh.

Bị cáo P là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi sử dụng giấy tờ giả của cơ quan, tổ chức là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý hành chính, sự hoạt động đúng đắn, bình thường và uy tín của cơ quan Nhà nước trong quản lý hành chính.

Do đó, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành Tội sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức; Viện kiểm sát truy tố và luận tội bị cáo theo khoản 1 Điều 341 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào; không có tiền án, tiền sự; nhân thân tốt; trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Căn cứ tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, nhận thức được hành vi vi phạm nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ và giao bị cáo cho gia đình, Ủy ban nhân dân xã nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục cũng đảm bảo việc răn đe, cải tạo, giáo dục bị cáo.

Về khẩu trừ thu nhập: Xét bị cáo là nội trợ, sống phụ thuộc gia đình, không có thu nhập nên miễn việc khấu trừ thu nhập.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có thu nhập nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng vụ án:

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động Iphone X màu đen đã qua sử dụng, do đây là phương tiện đặt làm giấy tờ giả.

01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số CX861639, số vào sổ cấp GCN 004851/CNTT do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 23/11/2020 mang tên Thượng Thị Mỹ P được bảo quản trong hồ sơ vụ án.

[6] Đối với hành vi cung cấp thông tin, đặt làm giả giấy chứng nhận: Bị cáo là người đặt vấn đề, cung cấp thông tin và thanh toán tiền để làm giả giấy chứng nhận. Tuy nhiên bị cáo không biết người làm giả và trong quá trình điều tra cũng chưa xác định được người thực hiện hành vi làm giả, thời gian, địa điểm, công cụ phương tiện để thực hiện việc làm giả nên không đủ căn cứ để xác định bị cáo là đồng phạm về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức.

[7] Quan hệ vay tiền giữa bị cáo và ông D1 xảy ra trước thời điểm bị cáo có giấy tờ giả, hoàn toàn tự nguyện, bị cáo thừa nhận khoản vay và không có thủ đoạn nhằm chiếm đoạt tài sản, do đó đây là một giao dịch dân sự và được giải quyết bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

Đối với ý kiến bị cáo cho rằng ông D1 cho vay mức lãi suất cao, phạm vào tội cho vay nặng lãi, tuy nhiên bị cáo không cung cấp được bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh có việc cho vay nặng lãi của ông D1 nên không có căn cứ xử lý.

[8] Đối với nam thanh niên mà bị cáo liên lạc đặt làm giấy tờ giả, do chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Phước Long đã tách ra tiếp tục xác minh, xử lý sau nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Quan điểm của Viện kiểm sát, người bào chữa về tội danh đối với bị cáo là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

Về hình phạt, như nhận định của Hội đồng xét xử tại mục [3] phần nhận định của Toà án, tuyên hình phạt cải tạo không giam giữ là tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó quan điểm của Viện kiểm sát và người bào chữa của bị cáo về hình phạt không được chấp nhận.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1 Điều 51; các điều 36, 50 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố bị cáo Thượng Thị Mỹ P phạm “Tội sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Xử phạt bị cáo Thượng Thị Mỹ P 02 (Hai) năm cải tạo không giam giữ.

Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Thượng Thị Mỹ P cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật thi hành án hình sự.

Trường hợp người chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật thi hành án hình sự.

2. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động Iphone X màu đen đã qua sử dụng.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/02/2024).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (10/7/2024).

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Phước Long;
- CQ CSĐT Công an Tx. Phước Long;
- Chi cục THADS thị xã Phước Long;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Bích Vân